

CHƯƠNG 8

HỆ THỐNG THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

8.1. GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Hệ thống thông tin của TTCK là hệ thống chỉ tiêu, tư liệu liên quan đến chứng khoán và TTCK, là những chỉ tiêu phản ánh bức tranh của TTCK và tình hình kinh tế, chính trị tại những thời điểm hoặc thời kỳ khác nhau của từng quốc gia, từng ngành, nhóm ngành... theo phạm vi bao quát của mỗi loại thông tin.

Hệ thống thông tin thị trường chứng khoán rất đa dạng và phong phú. Hệ thống này được ví như hệ thống mạch máu trong cơ thể người, giúp cho thị trường vận hành liên tục và thông suốt, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư, cơ quan quản lý điều hành và các tổ chức nghiên cứu. Thị trường chứng khoán hoạt động hết sức nhạy cảm và phức tạp, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai, mọi nhà đầu tư đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp nhận thông tin. Không ai được phép có đặc quyền trong tiếp nhận thông tin, hoặc sử dụng các thông tin nội bộ, thông tin chưa được phép công bố để đầu tư chứng khoán nhằm trục lợi. Có thể nói, TTCK là thị trường của thông tin, ai có thông tin chính xác và khả năng phân tích tốt thì sẽ đầu tư có hiệu quả, ngược lại nhà đầu tư thiếu thông tin hoặc thông tin sai lệch (tin đồn) sẽ phải chịu tổn thất khi ra các quyết định đầu tư.

Có thể phân tổ các thông tin trên thị trường theo các tiêu thức sau:

1. Phân tổ theo loại chứng khoán

- Thông tin về cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư
- Thông tin về trái phiếu
- Thông tin về các chứng khoán phái sinh

2. Phân tổ theo phạm vi bao quát

- Thông tin đơn lẻ của từng nhóm chứng khoán

- Thông tin ngành
- Thông tin nhóm ngành
- Thông tin nhóm cổ phiếu đại diện và tổng thể thị trường.
- Thông tin của SGDCK hay cả quốc gia, thông tin có tính quốc tế.

3. Phân tổ theo thời gian

- Thông tin quá khứ, thông tin hiện tại và thông tin dự báo cho tương lai
- Thông tin theo thời gian (phút, ngày...)
- Thông tin tổng hợp theo thời gian (tuần, tháng, quý, năm...)

4. Phân tổ theo nguồn thông tin

- Thông tin trong nước và quốc tế
- Thông tin của các tổ chức tham gia thị trường: tổ chức niêm yết; công ty chứng khoán và thông tin của SGDCK.
- Thông tin tư vấn của các tổ chức tư vấn đầu tư và tổ chức xếp hạng tín nhiệm.
- Thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng (báo, truyền hình, mạng Internet...).

8.2. CÁC NGUỒN THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

8.2.1. Thông tin từ tổ chức niêm yết

Chứng khoán là một dạng tài sản tài chính (khác với tài sản thực) được niêm yết giao dịch trên dịch trên thị trường chứng khoán bởi chính tổ chức phát hành. Ngoài yếu tố quan hệ cung - cầu, giá chứng khoán được hình thành dựa trên "sức khoẻ" của chính công ty phát hành. Do vậy, các thông tin liên quan đến tổ chức phát hành đều tác động tức thời lên giá chứng khoán của chính tổ chức đó, và trong những chừng mực nhất định có thể tác động lên toàn bộ thị trường. Trên thị trường chứng khoán, vấn đề công bố thông tin công ty (corporate disclosure) được xem là yếu tố quan trọng hàng đầu trong hệ thống thông của thị trường, bảo đảm cho thị trường hoạt động công bằng, công khai và hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Nội dung thông tin liên quan đến tổ chức phát hành bao gồm các thông tin trước khi phát hành, sau khi phát hành chứng khoán ra công chúng, và sau khi chứng khoán được niêm yết giao dịch trên thị trường tập trung. Các thông tin bao gồm:

- **Thông tin trên bản cáo bạch (prospectus).** Bản cáo bạch là bản thông cáo của tổ chức phát hành khi thực hiện phát hành chứng khoán ra công chúng, nhằm giúp cho nhà đầu tư hiểu rõ về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính,...và các thông tin khác về mục tiêu phát hành chứng khoán của tổ chức phát hành.

- **Thông tin định kỳ** là những thông tin do tổ chức niêm yết công bố vào những thời điểm theo quy định của cơ quan quản lý như: hàng năm, bán niên; hàng quý; hàng tháng. Nội dung thông tin liên quan đến các báo cáo tài chính; kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ...vv. Các báo cáo thường niên phải có ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập được UBCK chấp thuận.

- **Thông tin bất thường** là những thông tin được tổ chức niêm yết công bố ngay sau khi xảy ra các sự kiện quan trọng, làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc lợi ích của người đầu tư. Thông thường, các thông tin này được công bố trong vòng 24h00 sau khi xảy ra sự kiện, hoặc sau 3 ngày. Nội dung các thông tin bất thường do cơ quan quản lý quy định.

- **Thông tin theo yêu cầu** là việc công bố thông tin khi UBCK hoặc SGDCK yêu cầu cần phải công bố thông tin do có những dấu hiệu bất thường, hoặc tin đồn trên thị trường có tác động đến giá chứng khoán.

8.2.2. Thông tin từ SGDCK

Đây là các thông tin từ cơ quan quản lý và vận hành thị trường, được công bố cập nhật trên hệ thống thông tin của SGDCK (qua bảng hiển thị điện tử; thiết bị đầu cuối; bản tin thị trường; mạng Internet, Website...vv). Nội dung thông tin do SGDCK công bố bao gồm:

-Thông tin từ nhà quản lý thị trường

+ Hệ thống các văn bản, chính sách ban hành mới; thay đổi, bổ sung, huỷ bỏ...vv.

- + Đình chỉ giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại các chứng khoán.
- + Công bố ngày giao dịch không được hưởng cổ tức, lãi và các quyền kèm theo.
- + Các chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát, cảnh báo.
- + Huỷ bỏ niêm yết hoặc cho niêm yết lại.
- + Đình chỉ thành viên hoặc cho phép thành viên hoạt động trở lại.

- **Thông tin về tình hình thị trường:** thông tin giao dịch của 5 cổ phiếu hàng đầu; giao động giá cổ phiếu hàng ngày; cổ phiếu đạt mức giá trần, sàn...

- **Thông tin về diễn biến của thị trường:**

+ Thông tin về giao dịch trên thị trường (giá mở cửa, đóng cửa; giá cao nhất và thấp nhất trong ngày giao dịch; khối lượng giao dịch; giá trị giao dịch; giao dịch lô lớn; giao dịch mua bán lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết).

+ Thông tin về lệnh giao dịch (giá chào mua, chào bán tốt nhất; quy mô đặt lệnh; số lượng lệnh mua, hoặc bán).

+ Thông tin về chỉ số giá (chỉ số giá cổ phiếu tổng hợp; bình quân giá cổ phiếu; chỉ số giá trái phiếu).

- **Thông tin về tình hình của các tổ chức niêm yết.**

- **Thông tin về các nhà đầu tư:** giao dịch lô lớn; giao dịch thầu tóm công ty; giao dịch đấu thầu mua cổ phiếu...vv.

- **Thông tin về hoạt động của công ty chứng khoán thành viên.**

8.2.3. Thông tin từ các tổ chức kinh doanh, dịch vụ chứng khoán

Bao gồm các thông tin về chính các tổ chức kinh doanh, dịch vụ chứng khoán (báo cáo tài chính; hoạt động kinh doanh; lưu chuyển tiền tệ...vv) và các thông tin liên quan đến tình hình thị trường và nhà đầu tư (số tài khoản giao dịch; tỷ lệ ký quỹ; giao dịch bảo chứng; bảo lãnh phát hành, tư vấn...vv).

8.2.4. Thông tin về giao dịch chứng khoán

Các thông tin về giao dịch được thông báo trên bảng điện tử kết quả giao dịch trên SGDCK và trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo,

tạp chí.... Mẫu thông tin mà nhà đầu tư thường thấy đối với một chứng khoán như sau:

Cổ phiếu: xyz

(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
52 week		Stock	Div	Yld	P/E	Sales	High	Low	Close	Net Chg
High	Low									

Giải thích ý nghĩa của các cột:

Cột 1- 52 weeks Cho biết trong vòng 48 tuần gần đây, giá cao nhất và thấp nhất của chứng khoán xyz là bao nhiêu?

Cột 2 - Stock: Cho biết tên cổ phiếu

Cột 3 - Div: Chỉ biết cổ tức mà tổ chức phát hành chi trả trong thời gian gần đây

Cột 4 - Yld là chữ viết tắt của Yield, nghĩa là tỷ suất lợi tức của năm gần đây nhất. Tính bằng cách lấy cổ tức chia cho giá cổ phiếu (cột 3/cột 9)

Cột 5 - PE là hệ số Price Earning Ratio, là tỷ lệ giữa giá cổ phiếu hiện tại với thu nhập tính trên một cổ phiếu trong năm gần nhất.

Cột 6 - Sales cho biết doanh số bán trong ngày tính theo đơn vị là lô chẵn.

Cột 7- High: Cho biết giá thực hiện cao nhất trong ngày

Cột 8 - Low: Cho biết giá thực hiện thấp nhất trong ngày

Cột 9 - Net Chg (Net change): Cho biết mức thay đổi giá đóng cả của ngày thông báo so với ngày trước đó.

8.3. CHỈ SỐ GIÁ CHỨNG KHOÁN

8.3.1. Chỉ số giá cổ phiếu

Chỉ số giá cổ phiếu là thông tin thể hiện giá chứng khoán bình quân hiện tại so với giá bình quân thời kỳ gốc đã chọn.

Chỉ số giá cổ phiếu được xem là phong vũ biểu thể hiện tình hình hoạt động của TTCK. Đây là thông tin rất quan trọng đối với hoạt động của thị trường của nhà đầu tư và các nhà phân tích kinh tế.

Tất cả các TTCK đều xây dựng hệ thống chỉ số giá cổ phiếu cho riêng mình.

Giá bình quân thời kỳ gốc trong so sánh chỉ số giá thường được lấy là 100. Thí dụ, khi thông báo về TTCK như chỉ số giá Hàn Quốc KOSPI ngày 9/1/1998 là 440,28 điểm có nghĩa đó là chỉ số giá cổ phiếu của ngày 9/1/1998 so với ngày gốc đã chọn là ngày 1/4/1980 với giá gốc là 100. So sánh giá trị chỉ số giữa 2 thời điểm khác nhau ta được mức biến đổi giá giữa 2 thời điểm đó. Nếu trị giá chỉ số KOSPI ngày 10/1/1998 là 445,78 điểm thì có nghĩa là "TTCK Hàn Quốc đã có dấu hiệu phục hồi với chỉ số KOSPI đã tăng 5,5 điểm trong ngày 10/1/1998". Nếu đem số này so sánh với giá đóng cửa hôm trước và nhân với 100 thì ta có sự biến đổi theo %: $(5,5 / 440,28) * 100 = 1,25\%$

Chỉ số giá cổ phiếu được tính cho:

- Từng cổ phiếu.
- Tất cả cổ phiếu của từng thị trường: ví dụ như chỉ số KOSPI; Hangseng;
- Từng ngành, nhóm ngành: như chỉ số ngành công nghiệp của Mỹ (DJIA)
- Thị trường quốc tế như chỉ số Hang Seng Châu Á (HSAIS).

Ngoài ra, một số chỉ tiêu sau cũng thường được thống kê, tổng hợp đối với chỉ số giá và thông báo rộng rãi: chỉ số giá trong ngày; ngày đó so với ngày trước; so với đầu năm; chỉ số cao nhất hoặc thấp nhất trong năm..vv.

Chỉ số giá có thể được tính theo thời gian (so sánh theo thời gian) hoặc theo không gian để so sánh giữa các vùng lãnh thổ khác nhau.

Các phương pháp tính chỉ số giá hiện nay

a) Chỉ số giá bình quân giản đơn

Đây là chỉ số bình quân số học giản đơn, không có sự tham gia của quyền số:

$$I = \frac{\sum P_t}{\sum P_o}$$

Trong đó: I: Là chỉ số giá bình quân giản đơn.

P_t : Là giá thời kỳ t của các hàng hoá tham gia tính toán.

P_o : Là giá thời kỳ gốc chọn trước.

Chỉ số này tính toán rất đơn giản vì không phải theo dõi sự biến động của quyền số. Nhưng chỉ số này chứa đựng tính chất của số bình quân giản đơn, bởi vậy, chỉ nên ứng dụng khi tổng thể (hay giá các loại hàng hoá đưa vào tính toán) là khá đồng đều, hay phương sai của chúng không quá lớn.

b) Chỉ số giá bình quân gia quyền

Chỉ số giá bình quân gia quyền là chỉ số giá bình quân được tính có sự tham gia của khối lượng, có nghĩa là biến đổi giá của những nhân tố có tỷ trọng khối lượng trong tổng thể càng lớn thì ảnh hưởng càng nhiều đến chỉ giá chung và ngược lại:

$$I = \frac{\sum q P_t}{\sum q P_o}$$

Trong đó: I: Là chỉ số giá bình quân gia quyền.

P_t : Là giá thời kỳ báo cáo.

P_o : Là giá thời kỳ gốc

q: Là khối lượng (quyền số), có thể theo thời kỳ gốc hoặc thời kỳ báo cáo, cũng có thể là cơ cấu của khối lượng.

Chỉ số giá bình quân gia quyền có ưu điểm là có đề cập đến quyền số trong quá trình tính toán. Phương pháp tính phức tạp hơn. Tuy nhiên, do chọn rõ đại diện theo nhiều tiêu thức và mỗi tiêu thức cũng có ưu nhược

điểm riêng, nên trong nhiều trường hợp chỉ số này không phản ánh đúng tình hình giao dịch của thị trường.

c) Chỉ số giá bình quân Laspeyres

Chỉ số giá bình quân Laspeyres là chỉ số giá bình quân gia quyền, lấy quyền số là khối lượng thời kỳ gốc. Như vậy kết quả tính sẽ phụ thuộc vào cơ cấu quyền số thời kỳ gốc:

$$I_L = \frac{\sum q_0 p_t}{\sum q_0 p_0}$$

Trong đó: I_L : Là chỉ số giá bình quân Laspeyres

p_t : Là giá thời kỳ báo cáo

p_0 : Là giá thời kỳ gốc

q_0 : Là khối lượng (quyền số) thời kỳ gốc hoặc cơ cấu của khối lượng thời kỳ gốc.

Chỉ số này có ưu điểm là không phải theo dõi liên tục sự biến động của quyền số, vì quyền số gốc đã có sẵn ngay ở lần tính đầu tiên.

Tuy nhiên, cũng vì đặc điểm trên chỉ số này có nhược điểm là không cập nhật được sự thay đổi của khối lượng trong quá trình giao dịch, mua bán.

d) Chỉ số giá bình quân Paascher.

Chỉ số giá bình quân Paascher là chỉ số giá bình quân gia quyền lấy quyền số là khối lượng thời kỳ báo cáo. Như vậy kết quả tính sẽ phụ thuộc vào cơ cấu quyền số thời báo cáo.

$$I_P = \frac{\sum q_t p_t}{\sum q_t p_0}$$

Trong đó: I_P : Là chỉ số giá Paascher

p_t : Là giá thời kỳ cần tính

p_0 : Là giá thời kỳ gốc

q_t : Là khối lượng (quyền số) thời kỳ tính hoặc cơ cấu của khối lượng thời báo cáo.

Chỉ số này có nhược điểm là phải thường xuyên cập nhật quyền số (tỷ trọng) và phương pháp tính cũng phức tạp hơn nhưng có ưu điểm là thường xuyên cập nhật được khối lượng hàng hoá thời kỳ báo cáo và vì thế khả năng phản ánh sự biến động của thị trường tốt hơn.

e) Chỉ số giá bình quân Fisher.

Chỉ số giá bình quân Fisher là chỉ số giá bình quân nhân giữa chỉ số giá Paascher và chỉ số giá Laspayres.

$$I_F = \sqrt{I_P \times I_L}$$

Trong đó: I_F : Là chỉ số giá Fisher

I_P : Là chỉ số giá Paasche

I_L : Là chỉ số giá bình quân Laspeyres

Chỉ số này có ưu điểm là loại trừ được phần nào hai nhược điểm của hai phương pháp Paascher và Laspeyre mắc phải.

8.3.2. Một số chỉ số giá chứng khoán quốc tế

8.3.2.1. Các chỉ số giá cổ phiếu của TTCK Hồng Kông

Chỉ số HangSeng (HSI) Hồng Kông.

Chỉ số này do công ty HSI Service Ltd, một công ty do Ngân hàng HangSeng sở hữu tính toán và công bố. Chỉ số này được công bố đầu tiên vào tháng 11/1969. Đây là chỉ số được niêm yết rộng rãi nhất của TTCK Hồng Kông cả ở trong nước và quốc tế. HSI được tính từng phút trong phiên giao dịch và được thông tin ra trong nước và quốc tế qua mạng thông tin tài chính và đại chúng như TeleText, Reuters, Telerate, Bloomberg...vv. Từ năm 1996, Công ty HSI Service Ltd đã xuất bản bản tin hàng ngày về chỉ số Hang Seng, trong đó đưa tin về chỉ số này và các chỉ số phụ của nó, cứ 15 phút một lần bản tin sẽ đưa ra những thông báo mới, bao gồm các mức giá cao nhất, thấp nhất và giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch. HSI là chỉ số giá quyền giá trị của 33 loại cổ phiếu. Ngày gốc là ngày 31/7/1964 với trị giá gốc là 100. Khi đưa thêm 4 chỉ số phụ vào năm 1985, ngày gốc được đổi thành ngày 13/01/1984 và trị giá gốc là 975,47 (giá đóng cửa của ngày đó).

Chỉ số tổng hợp cổ phiếu thường Hồng Kông (AOI).

Chỉ số này là chỉ số gia quyền giá trị của tất cả các cổ phiếu thường được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông. Nó được tính toán và công bố lần đầu vào ngày 2/1/1989. Ngày gốc là ngày 2/4/1996 với trị giá gốc là 1000. Chỉ số này có 7 chỉ số ngành: tài chính; dịch vụ; bất động sản; xây dựng; công nghiệp; khách sạn; các ngành khác.

Cho dù chỉ số AOI tiêu biểu hơn HSI, nhưng một vài loại cổ phiếu trong đó có giao dịch rất ít. Ví dụ, trong 10 ngày giao dịch cuối tháng 6/1996 khoảng 18% số cổ phiếu được niêm yết không có giao dịch nào. Do vậy, giá yết của các loại cổ phiếu này không phản ánh đúng thực giá thị trường của chúng. Tuy nhiên, các cổ phiếu ít giao dịch này chỉ chiếm một cơ cấu nhỏ trong tổng thể nên chúng có ảnh hưởng rất ít đến giá trị của AOI.

Chỉ số tham chiếu HangSeng London của Hồng Kông (HSLRI).

Hiện nay, 28 trong số 33 loại cổ phiếu hợp thành HSI được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán London (LSE). Chỉ số tham chiếu HangSeng London là chỉ số phản ánh sự biến đổi giá cả của 28 loại chứng khoán thuộc HSI nhưng có niêm yết và giao dịch ở LSE.

Chỉ số HangSeng Châu á của Hồng Kông (HSAI)

Đây là chỉ số khu vực đầu tiên dựa trên 8 chỉ số cổ phiếu của các nước Châu Á:

- Chỉ số HangSeng (HongKong)
- Chỉ số giá hỗn hợp JSX (Indonesia)
- Chỉ số giá hỗn hợp Korea
- Chỉ số hỗn hợp KLSE (Malaysia)
- Chỉ số hỗn hợp PSE (Philipin)
- Chỉ số tổng hợp SES (Singapore)
- Chỉ số SET (Thái Lan)
- Chỉ số quyền số vốn huy động (Đài loan)

Chỉ số này được công bố hàng ngày vào 6.15'h chiều (giờ Hồng Kông). Nó được tính toán và công bố khi có ít nhất 5 chỉ số cấu thành có thông tin

và các chỉ số không giao dịch (do ngày lễ, ngày nghỉ..) sẽ được đưa vào theo giá đóng cửa của ngày trước đó.

8.3.2.2. Các loại chỉ số giá cổ phiếu của Mỹ

Chỉ số Dow Jones (Dow Jones Average)

Chỉ số Dow Jones là chỉ số giá chứng khoán, phản ánh sự biến động bình quân của giá chứng khoán thuộc thị trường chứng khoán NewYork, một thị trường chứng khoán lớn nhất thế giới.

Chỉ số Dow Jones hiện nay là chỉ số giá chung của 65 chứng khoán đại diện, thuộc nhóm hàng đầu (Blue chip) trong các chứng khoán được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán NewYork. Nó bao hàm 3 chỉ số thuộc 3 nhóm ngành: Công nghiệp DJIA (Dow Jones Industrial Average), Vận tải DJTA (Dow Jones Transportation Average) và Dịch vụ DJUA (Dow Jones Utilities Average).

Chỉ số DJIA (Dow Jones công nghiệp).

Chỉ số Dow Jones công nghiệp là chỉ số lâu đời nhất ở Mỹ do ông Charles H.Dow cùng với công ty mang tên ông thu thập giá đóng cửa của chứng khoán để tính và công bố trên Wall Street Journal từ năm 1896. Khởi đầu công ty chỉ tính giá bình quân số học của 12 cổ phiếu. Ngày tính đầu tiên là ngày 26/5/1896 với mức giá bình quân ngày này là 40,94\$. Năm 1916, số lượng cổ phiếu để tính chỉ số là 20 cổ phiếu và năm 1928 tăng lên là 30 cổ phiếu và giữ nguyên số lượng này cho đến ngày nay. Trong quá trình đó thường xuyên có sự thay đổi các công ty trong nhóm Top 30. Mỗi khi có công ty chứng tỏ là không thuộc tiêu chuẩn Top 30 của các cổ phiếu Blue Chip nữa thì sẽ có công ty khác thay thế.

Chỉ số DJTA (Dow Jones vận tải).

Chỉ số này được công bố đầu tiên vào ngày 26/10/1896 và cho đến 2/1/1970 vẫn mang tên chỉ số công nghiệp đường sắt, vì thời gian này vận tải đường sắt là chủ yếu. Chỉ số DJTA bao gồm 20 cổ phiếu của 20 công ty vận tải đại diện cho ngành đường sắt, đường thủy và hàng không được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán NewYork.

Chỉ số ngành phục vụ công cộng (DJUA)

Chỉ số này được công bố trên tờ báo Wall Street từ tháng 1 năm 1929. Chỉ số này được tính dựa vào giá đóng cửa của chứng khoán 15 công ty lớn nhất trong ngành khí đốt và điện.

Như vậy, tuy chỉ số DowJones chỉ tính đối với 65 loại cổ phiếu khác nhau nhưng khối lượng giao dịch của chúng chiếm đến hơn 3/4 khối lượng giao dịch của TTCK NewYork, bởi vậy, chỉ số DowJones thường phản ánh đúng xu thế biến động giá của thị trường chứng khoán Mỹ.

Chỉ số giá chứng khoán nói chung, chỉ số Dow Jones nói riêng được coi là phong vũ biểu, hay là nhiệt kế để đo tình trạng sức khỏe của nền kinh tế xã hội. Thông thường nền kinh tế lên (tăng trưởng) thì chỉ số tăng và ngược lại. Ở TTCK NewYork, Sở giao dịch sẽ đóng cửa 30 phút nếu chỉ số DowJones giảm ở mức 250 điểm và đóng cửa 3 giờ nếu giảm 500 điểm. Nếu số tăng, giảm này ta đem so với ngày hôm trước ta sẽ có sự biến động theo %. Các thị trường cũng thường thông báo sự biến động giá chứng khoán thông qua tiêu thức điểm và phần trăm.

NASDAQ Composite Index (NASDAQCI - National Association of Securities Dealers Automated Quotation System).

Chỉ số chứng khoán này là chỉ số tổng hợp của 4700 công ty, kể cả của Mỹ và nước ngoài được niêm yết trên TTCK NASDAQ. Ngày cơ sở là ngày 5/2/1971 với trị giá gốc là 100, có tính thêm các chỉ số phụ cho các nhóm ngành: ngân hàng, máy tính, công nghiệp, bảo hiểm, vận tải, tài chính khác và bưu chính viễn thông.

New York Stock Exchange Index (NYSEI)

Là chỉ số tính theo phương pháp bình quân gia quyền giá trị cho tất cả các chứng khoán ở NYSE. Ngày cơ sở là ngày 31/12/1964, quyền số thay đổi theo giá trị thị trường. Trị giá cơ sở là 50 USD và biến đổi của nó được thể hiện theo điểm. Các chỉ số phụ bao gồm chỉ số cho ngành công nghiệp, vận tải, phục vụ công cộng và chỉ số tổng hợp cho khu vực tài chính.

Amex Major Market Index (XMI) của Mỹ

Đây là chỉ số tính theo phương pháp gia quyền với quyền số giá cả của 20 cổ phiếu đang làm ăn phát đạt nhất (blue chip) trong ngành công nghiệp

được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Mỹ. Chỉ số này do AMEX tính và tương đối giống DJIA, trong đó có 15 cổ phiếu thuộc nhóm các cổ phiếu của DJIA.

Amex Market Value Index (XAM) của Mỹ.

Chỉ số này do AMEX tính và công bố từ 4/9/1973, theo phương pháp tính gia quyền với quyền số là giá trị thị trường (quyền số giá trị). Ngày gốc trong tháng 9/1973 bao gồm 800 cổ phiếu đại diện cho tất cả các ngành kỹ nghệ đang giao dịch trên Amex.

Dow Jones World Stock Index của Mỹ.

Chỉ số này là chỉ số bình quân giá trị của 2600 công ty trên thế giới, đại diện cho 80% trị giá thị trường chứng khoán quốc tế. Hiện tại, các công ty là đối tượng tính chỉ số này tập trung ở 25 nước thuộc các khu vực: Bắc Mỹ, Châu Âu và vùng Châu Á, Thái Bình Dương. Ngày gốc là ngày 31/12/1991 và trị giá gốc là 100. Chỉ số này được tính cho từng nhóm ngành, có phân theo vùng, quốc gia. Chỉ số đối với từng nước tính theo đồng nội tệ, và USD, Pound của Anh, Mark của Đức, Yên của Nhật. Chỉ số cho vùng và thế giới được tính theo 4 loại ngoại tệ trên.

NASDAQ - 100 Index của Mỹ.

Chỉ số được tính từ năm 1985 cho 100 công ty phi tài chính lớn nhất được niêm yết tại TTCK NASDAQ. Chỉ số tính theo phương pháp bình quân gia quyền giá trị. Tất cả công ty tham gia chỉ số có mức vốn thị trường tối thiểu là 400 triệu USD vào tháng 10/1993 và được chọn theo tiêu thức trị giá giao dịch và tiêu biểu trên thị trường. Tháng 2/1994 trị giá chỉ số giảm một nửa do chứng quyền (right) được đưa vào giao dịch tại Chicago Board Option Exchange.

Russell Indexes của Mỹ

Các chỉ số này do công ty Frank Russell của Tacoma - Washington tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giá trị. Russell 3000 Index bao gồm 3000 cổ phiếu có giá trị thị trường lớn nhất. Ngoài ra có Russell 1000, Russell 2000, Russell Top 200; Russell 2500...

Chỉ số S&P 500 (Standard & poors) của Mỹ: đây là chỉ số giá bình quân giá trị, tổng hợp của 500 loại cổ phiếu. Nó bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên NYSE, một số thuộc nhóm cổ phần của AMEX & NASDAQ. Chỉ số này bao gồm 381 cổ phiếu thuộc ngành công nghiệp, 47 cổ phiếu thuộc các ngành dịch vụ công cộng, 56 cổ phiếu thuộc ngành tài chính và 16 cổ phiếu thuộc ngành vận tải và đại diện cho 74% trị giá trị trường của tất cả các cổ phiếu được giao dịch trên NYSE. Ngoài ra, còn có chỉ số S&P 100, tính trên cơ sở S&P 500 và cách tính cũng tương tự như S & P 500.

Value Line Composite Average của Mỹ

Đây là chỉ số tổng hợp quyền số như nhau, bao gồm 1700 cổ phiếu của NYSE và AMEX và trên thị trường OTC. Trị giá cơ sở là 100, ngày cơ sở là ngày 30/6/1961. Sự thay đổi chỉ số giá được tính theo điểm. Chỉ số này cũng tính cho 3 nhóm ngành: công nghiệp; vận tải; dịch vụ công cộng.

Wilshire 5000 Equity Index

Đây là chỉ số có phạm vi rộng nhất. Chỉ số này tính theo quyền số giá trị. Nó bao gồm hơn 6000 cổ phiếu giao dịch ở NYSE, AMEX, hệ thống thị trường quốc gia NASDAQ. Ngày cơ sở là ngày 31/12/1980.

8.3.2.3. Các chỉ số chứng khoán của Anh

Chỉ số FT-30

FT-30 là chỉ số giá của 30 cổ phiếu công nghiệp hàng đầu của thị trường chứng khoán London. Chỉ số này được công bố theo từng giờ kể từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều và vào lúc đóng cửa Sở giao dịch chứng khoán London. Thời gian gốc là năm 1935 với giá trị gốc 100.

Chỉ số FT-SE 100

Là chỉ số giá của 100 cổ phiếu hàng đầu tại Sở giao dịch chứng khoán London. Ngày gốc là 3/1/1984, với giá trị gốc là 1000.

8.3.2.4. Các chỉ số giá cổ phiếu của Hàn Quốc

Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc đã đưa ra chỉ số giá cổ phiếu Hàn Quốc bắt đầu từ năm 1972 nhằm đưa ra một thước đo toàn diện cho xu thế của thị trường. Đây là chỉ số bình quân gia quyền được tính dựa trên một số cổ phiếu tiêu biểu đại diện cho toàn bộ thị trường. Ngày cơ sở của chỉ số này

là ngày 4/1/1972 với trị giá cơ sở là 100. Chỉ số cơ sở được tính dựa trên cổ phiếu của 35 công ty với trị giá nhưng đến ngày 4/1/1979 số công ty niêm yết đã lên đến con số 153, vì vậy, mà ngày cơ sở của chỉ số này đã được điều chỉnh sang ngày 4/1/1975.

Chỉ số KOSPI tổng hợp

Chỉ số giá cổ phiếu tổng hợp của Hàn Quốc được áp dụng từ đầu năm 1983. Chỉ số này được tính dựa trên tổng giá trị thị trường và ngày cơ sở của chỉ số này là ngày 4/1/1980 với giá trị chỉ số cơ sở là 100.

8.3.2.5 Các chỉ số giá cổ phiếu của Nhật Bản.

Chỉ số Nikkei 225

Chỉ số Nikkei là chỉ số tổng hợp cổ phiếu với quyền số giá cả của 225 cổ phiếu thuộc Sở giao dịch chứng khoán Tokyo và 250 cổ phiếu thuộc Sở giao dịch Osaka. Chỉ số này do Thời báo kinh tế Nhật Bản tính toán và công bố (Thời báo Nikkei). Chỉ số này còn được gọi là chỉ số Nikkei - Dow vì phương pháp tính của nó như phương pháp tính các chỉ số Dow Jones.

Chỉ số TOPIX

Chỉ số này tính cho tất cả chứng khoán niêm yết quan trọng của thị trường chứng khoán Tokyo. Thời điểm gốc là 4/1/1968 với giá trị gốc là 100.

8.3.2.6. Các chỉ số giá cổ phiếu khác

Chỉ số CAC (Pháp)

Tính cho 240 cổ phiếu hàng đầu tại sở giao dịch chứng khoán Paris. Ngày gốc là ngày 31/12/1981, với giá trị gốc là 100.

Chỉ số DAX (Đức)

Tính cho 30 cổ phiếu hàng đầu của Đức. Ngày gốc là ngày 31/12/1987 với giá trị gốc là 1000.

Chỉ số tổng hợp chứng khoán Malaysia (KLSE):

Chỉ số tổng hợp của Sở giao dịch Chứng khoán Kuala Lumpur được đưa vào sử dụng từ ngày 04/4/1983 với 83 cổ phiếu, các cổ phiếu được lựa chọn đại diện cho các khu vực khác nhau của thị trường. Sau đó số cổ phiếu đại

diện tăng lên tới 100. Ngày nay, Sở giao dịch Chứng khoán Kuala Lumpur cũng thực hiện việc tính các chỉ số cho các khu vực chính được giao dịch: hàng tiêu dùng, công nghiệp thương mại/dịch vụ, tài chính, bất động sản, khai khoáng và trồng trọt. Ngoài ra, có hai loại chỉ số phụ khác được tính toán và đưa vào sử dụng từ ngày 2/1/1991 và chỉ số tất cả các cổ phiếu được giao dịch trên quầy giao dịch chính được sử dụng vào 10/1991. Các chỉ số này được máy tính tính từng phút và được chuyển ngay tới các công ty môi giới thông qua các trạm đầu cuối MASA.

8.3.3. Chỉ số giá trái phiếu

Chỉ số giá trái phiếu là chỉ số so sánh mức giá trái phiếu tại thời điểm so sánh với mức giá tại thời điểm gốc đã chọn. Chỉ số giá trái phiếu phản ánh sự biến động của mức lãi suất (nếu là một loại trái phiếu) và mức lãi suất bình quân (nếu là một danh mục các loại trái phiếu).

8.4. HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CHỈ SỐ GIÁ CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VN INDEX)

Ở Việt Nam, thông tin TTCK được quy định trong quyết định 47/2000/QĐ-UBCK1 ngày 19 tháng 6 năm 2001 của Chủ tịch UBCK Nhà nước bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- Thông tin về giao dịch chứng khoán
- Thông tin về chỉ số giá chứng khoán
- Thông tin về quản lý thị trường
- Thông tin về tình hình thị trường
- Thông tin về các nhà đầu tư
- Thông tin về quản lý hoạt động phát hành chứng khoán
- Thông tin về công tác quản lý các tổ chức kinh doanh, dịch vụ chứng khoán.
- Thông tin về công tác thanh tra, giám sát hoạt động thị trường chứng khoán và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Thông tin về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng khoán
- Thông tin về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài

- Thông tin liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành liên quan tác động tới hoạt động chứng khoán.

- Thông tin về hoạt động của thị trường chứng khoán ở các nước trong khu vực và trên thế giới

- Các thông tin khác liên quan đến thị trường chứng khoán

Chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam - VNIndex là chỉ số phản ánh mức giá trên TTCK trong một ngày cụ thể so sánh với mức giá cả tại thời điểm gốc. Chỉ số được cấu thành bởi 2 yếu tố là loại chứng khoán trọng số và giá của từng chứng khoán cấu thành.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn đầu chỉ số VN Index là chỉ số duy nhất cho đại diện các cổ phiếu được niêm yết trên TTGDCK. Chỉ số này được tính theo phương pháp trọng số giá trị thị trường.

Công thức tính VN.Index như sau:

$$\text{VN.Index} = \frac{P_{1i} \times Q_{1i}}{P_{0i} \times Q_{0i}} \times 100$$

$P_{1i} \times Q_{1i}$: là tổng giá trị thị trường tại thời điểm tính toán

$P_{0i} \times Q_{0i}$: là tổng giá trị thị trường tại thời điểm gốc

P_{1i} : là giá cả giao dịch thực tế của phiếu công ty tại thời điểm tính toán i.

P_{0i} : là giá cả giao dịch thực tế của cổ phiếu công ty tại thời điểm gốc

Q_{1i} , Q_{0i} : là số lượng cổ phần của công ty tại thời điểm tính toán và thời điểm gốc.

Trong quá trình tính toán chỉ số, bên cạnh sự biến động về giá cổ phiếu làm thay đổi giá trị chỉ số còn có một số nhân tố khác làm thay đổi cơ cấu số cổ phiếu niêm yết như thêm, bớt, tách, gộp cổ phiếu. Trong trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến tính không liên tục của chỉ số, nghĩa là chỉ số ngày báo cáo không đồng nhất với ngày trước đó. Do đó cần phải đưa thêm vào sự điều chỉnh này bằng hệ số chia của công thức trên.

Hệ số chia mới (d) = Số chia cũ × (Tổng giá trị thị trường các CP sau khi thay đổi) / (Tổng giá trị thị trường các CP trước khi thay đổi).

Trường hợp có cổ phiếu mới đưa vào niêm yết, số chia mới được tính như sau:

Hệ số chia mới (d) = Số chia cũ × (Tổng giá trị thị trường của CP niêm yết cũ + Giá thị trường của CP niêm yết mới) / (Tổng giá trị thị trường của các CP niêm yết cũ)

VN Index = 100 × (Tổng giá trị thị trường các CP sau khi thay đổi) / (Hệ số chia mới)

Ví dụ: tại phiên thứ nhất, ngày 28-7-2000, ta có kết quả giao dịch tại thời điểm gốc như sau:

Tên công ty	Ký hiệu	Giá thực hiện	Số lượng cổ phần	Giá trị thị trường
Cơ điện lạnh	REE	16.000đ	15 triệu	240.000.000đ
Cáp VLVIT	SAM	17.000đ	12 triệu	204.000.000đ
Cộng				444.000.000đ

$$\text{VN Index} = \frac{(16.000 \times 15 \text{ triệu}) + (17.000 \times 12 \text{ triệu})}{(16.000 \times 15 \text{ triệu}) + (17.000 \times 12 \text{ triệu})} \times 100 = 100$$

Phiên thứ 2, ngày 31-7-2000: Giá cổ phiếu REE là 16300đ; Giá cổ phiếu SAM là 17.200đ.

$$\text{VN Index} = \frac{(16.300\text{đ} \times 15 \text{ tr}) + (17.000\text{đ} \times 12 \text{ tr})}{(16.000\text{đ} \times 15 \text{ tr}) + (17.000\text{đ} \times 12 \text{ tr})} \times 100 = 101,55$$

Phiên thứ 3, ngày 2-8-2000, giá REE là 16.600đ, giá SAM là 17.500đ và có thêm cổ phiếu HAP và TMS nhưng 2 cổ phiếu này chưa tham gia vào tính chỉ số giá vì chưa có giao dịch.

$$\text{VN Index} = \frac{(16.600đ \times 15 \text{ tr}) + (17.500đ \times 12 \text{ tr})}{(16.000đ \times 15 \text{ tr}) + (17.000đ \times 12 \text{ tr})} \times 100 = 103,38$$

Phiên thứ 4, ngày 4-8-2000, có thêm 2 cổ phiếu nữa là HAP và TMS tham gia giao dịch.

Tên CP	Giá đóng cửa	Số lượng niêm yết	Giá thị trường
REE	16.900	15.000.000	253.500.000.000
SAM	17.800	12.000.000	213.600.000.000
HAP	16.000	1008000	16.128.000.000
TMS	14.000	2.200.000	30.800.000.000
Tổng			514.028.000

Hệ số chia mới

$$d1 = \frac{\text{Tổng giá trị thị trường của tất cả các cổ phiếu}}{\text{Tổng giá trị thị trường của các cổ phiếu cũ}} \times \frac{\text{Hệ số gốc}}{1}$$

$$\begin{aligned} & \frac{(16.900 \times 15 \text{ tr}) + (17.800 \times 12 \text{ tr}) + (16.000 \times 1,008 \text{ tr}) + (14.000 \times 2,2 \text{ tr})}{(16.900 \times 15 \text{ tr}) + (17.800 \times 12 \text{ tr})} \times 444000 \\ &= \frac{514028}{467100} \times 444000 = 488607,2 \end{aligned}$$

$$\text{VN Index} = \frac{514028}{d1} \times 100 = 105,2$$

Như vậy, phiên giao dịch ngày 4/8/2000, VNIndex đã tăng 1,82 điểm $(105,2 - 103,38) = 1,76\%$ $(105,2/103,38)$ so với phiên trước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày các nguồn thông tin trên TTCK? Theo Anh (Chị) nguồn thông tin nào là quan trọng nhất?
2. Trình bày các phương pháp tính chỉ số giá chứng khoán. Cách tính chỉ số giá chứng khoán trên TTCK Việt Nam hiện nay?
3. Chỉ số giá chứng khoán phản ánh hiệu quả hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Hãy bình luận quan điểm trên và liên hệ với TTCK Việt Nam.
4. Phân tích vai trò của thông tin đối với nhà đầu tư trong kinh doanh chứng khoán? Liên hệ vấn đề thông tin và công bố thông tin trên TTCK Việt Nam hiện nay?